TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST
Ngày 18/ 01/2018
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Vũ Thị Thiên Nga
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Xuân Phong và bà Nguyễn Thị Xuân.
- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B - tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Xuân Kiêu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại phòng xử án Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2017/TLST - KDTM ngày 29/5/2017 và thụ lý bổ sung số: 01- 04 /2017/ TLST-KDTM ngày 08/8/2017 về việc "***Tranh chấp hợp đồng tín dụng***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐXX-KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2017/QĐST-KDTM ngày 22/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2017/QĐST-KDTM ngày 20/12/2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ
Trụ sở: Số 45 đường D, phường N, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đại diện ủy quyền:Bà Hoàng Hồng Nh ; Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ (khu vực Miền Bắc) - Ngân hàng TMCP Đ. (Bà Hoàng Hồng Nh được ủy quyền lại từ ông Đàm Huy L; Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Quảng Ninh theo giấy ủy quyền số 82/2017/UQ-OCB).
Địa chỉ liên hệ: Số 607 Đường T, phường Đ, TP L, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần vận tải và xây dựng T.
Địa chỉ: Số 78 phố D, phường T, TP. B, tỉnh Quảng Ninh.
Đại diện theo pháp luật: Ông Mai Phi H; Chức vụ: Giám đốc công ty.
Địa chỉ liên hệ: Số 30 phố M, tổ 62, khu 3, phường G, TP L, tỉnh Quảng Ninh.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt A; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, vắng mặt tại phiên tòa.

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Xuân V, sinh năm: 1959 và bà Vũ Thị B, sinh năm: 1964, cùng ở địa chỉ: Tổ 1 - Khu X, phường K, thị xã T, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/04/2017 của Ngân hàng TMCP Đ thể hiện:

Ngày 14/11/2013 Ngân hàng TMCP Đ(Gọi tắt là Ngân hàng Đ) và bên vay là Công ty Cổ phần vận tải và xây dựng T (Gọi tắt là công ty T) đã kí kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 0139/2013/HĐTD-DN ngày 14/11/2013 và ngày 27/11/2013 đã kí phụ lục số 0139.01/2013/PL-HĐTD/DN sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 0139/2013/HĐTD-DN ngày 14/11/2013 với các thỏa thuận cụ thể:

+ Số tiền cho vay là: 560.000.000đ (Năm trăm sáu mươi triệu đồng), thời hạn cho vay là 6 tháng từ 10/12/2013 đến 10/6/2014, lãi suất vay là 12,5%/năm tại thời điểm giải ngân, bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kì hạn 06 tháng trả lãi cuối kì do Ngân hàng Đ công bố tại thời điểm tính lãi + biên độ tối thiểu 5%/năm.

+ Thay đổi lãi suất: Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh định kì 3 tháng/lần. Kỳ điều chỉnh lãi suất, mức lãi suất cơ bản, biên độ hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách của Ngân hàng Đ tại từng thời kì.

+ Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản tiền vay trên là ngôi nhà 2,5 tầng trên diện tích xây dựng 74,9m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số V592850 vào sổ cấp GCN QSDĐ số 1541/QSDĐ/MK 125 do UBND huyện T cấp ngày 04/6/2003 mang tên hộ ông Đinh Xuân V và bà Vũ thị B tại khu X, thị trấn T, thị xã T, tỉnh Quảng Ninh.Tổng giá trị tài sản đảm bảo 879.240.000đ (Tám trăm bảy mươi chín triệu hai trăm bốn mươi ngàn) đồng. Thế chấp theo hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở của bên thứ ba số 19.01/2012/HĐTC/DN ngày 07/6/2012, số công chứng 82 của phòng công chứng số 3 tỉnh Quảng Ninh; Phụ lục số 0139.01/2013PL-HĐTC/DN sửa đổi bổ sụng Hợp đồng thế chấp số 19.01/2012/HĐTC/DN ngày 07/6/2012, số công chứng 94 của phòng công chứng số 3 tỉnh Quảng Ninh giữa Ngân hàng Đ với ông Đinh Xuân V và bà Vũ Thị B.

Ngân hàng Đ yêu cầu:

+ Công ty T phải thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền tạm tính đến ngày 11/4/2017 là: Nợ gốc 439.500.000đ (Bốn trăm ba mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng); Nợ lãi là 299.553.017đ (Hai trăm chín mươi chín triệu năm trăm năm mươi ba ngàn không trăm mười bảy đồng). Tổng cộng là 739.053.017đ (Bảy trăm ba mươi chín triệu không trăm năm mươi ba ngàn không trăm mười bảy đồng).

+ Ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty Vạn Thiên không trả được nợ theo phán quyết của Tòa án thì Ngân hàng Đ được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ một lần đối với toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

+ Trong trường hợp sau khi phát mại tài sản mà số tiền thu được không đủ trả nợ thì Công ty T vẫn phải tiếp tục trả nợ số tiền còn lại cho Ngân hàng.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 7/8/2017 của Ngân hàng Phương Đông thể hiện:

Do có sự nhầm lẫn sai sót trong quá trình kiểm tra sổ sách về trích lập dự phòng khoản vay của Công ty T nên cán bộ Ngân hàng đã tính toán sai dẫn đến

trong đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 18/4/2017 đã trình bày: Công ty T đã trả cho Ngân hàng Đ được 120.500.000đ (Một trăm hai mươi triệu năm trăm ngàn đồng), còn nợ gốc là 439.500.000đ (Bốn trăm ba mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng), nợ lãi là 299.553.017đ (Hai trăm chín mươi chín triệu năm trăm năm mươi ba ngàn không trăm mười bảy đồng). Nhưng trên thực tế trong quá trình thực hiện hợp đồng cho đến ngày 07/8/2017 công ty T chưa hề thanh toán cho Ngân hàng Đ bất kỳ khoản nợ gốc nào. Ngày 08/8/2017 Ngân hàng Đ đã gửi đơn bổ sung khởi kiện kèm theo tài liệu chứng cứ yêu cầu Công ty T phải trả bổ sung cho Ngân hàng Đ tạm tính đến ngày 07/8/2017 khoản tiền nợ gốc là 120.500.000đ (Một trăm hai mươi triệu năm trăm ngàn đồng) và khoản tiền nợ lãi là 48.513.802đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm mười ba ngàn tám trăm linh hai đồng), tổng cộng là 169.013.802đ Một trăm sáu mươi chín triệu không trăm mười ba ngàn tám trăm linh hai đồng). Đề nghị Công ty T phải trả các khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 08/8/2017 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án, ông Nguyễn Việt A là đại diện theo ủy quyền của Công ty T (Bị đơn) có quan điểm tại bản tự khai ngày 09/8/2017 và biên bản hòa giải ngày 09/8/2017 thể hiện:

+ Chấp nhận yêu cầu trả nợ của Ngân hàng Đ theo đơn khởi kiện ban đầu ngày 18/4/2017 với số nợ gốc 439.500.000đ (Bốn trăm ba mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng); Nợ lãi là 299.553.017đ (Hai trăm chín mươi chín triệu năm trăm năm mươi ba ngàn không trăm mười bảy đồng). Tổng cộng là 739.053.017đ (Bảy trăm ba mươi chín triệu không trăm năm mươi ba ngàn không trăm mười bảy đồng).

+ Không chấp nhận yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện của Ngân hàng Đ yêu cầu trả nợ Công ty T trả nợ bổ sung gồm: Nợ gốc là 120.500.000đ (Một trăm hai mươi triệu năm trăm ngàn đồng) và khoản tiền nợ lãi là 48.513.802đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm mười ba ngàn tám trăm linh hai đồng) tính đến ngày 07/8/2017.

+ Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Đ về việc nếu công ty Cổ phần vận tải và xây dựng T không trả được nợ thì đề nghị Ngân hàng Đ cứ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ một lần đối với toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Quan điểm của người có quyền và nghĩa vụ liên quan - Ông Đinh Xuân V và bà Vũ Thị B trong bản tự khai ngày 04/8/2017 và biên bản hòa giải ngày 9/8/2017 thể hiện: **N**hất trí với quan điểm của đại diện ủy quyền của bị đơn về việc trả nợ và xử lý tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được tòa án tống đạt, niêm yết giấy triệu tập, quyết định đưa ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Đ bổ xung xác nhận tháng 01/2014 Công ty T đã trả 7.018.658đ (Bẩy triệu không trăm mười tám ngàn sáu trăm năm mươi tám đồng) tiền lãi. Nay yêu cầu tòa án buộc bị đơn là Công ty Vạn Thiên phải trả cho Ngân hàng Đ số tiền tính đến ngày 18/01/2017 là 1.011.532.049 (Một tỷ không trăm mười một triệu năm trăm ba mươi hai ngàn không trăm bốn chín đồng) bao gồm nợ gốc là 560.000.000đ (Năm trăm sáu mươi triệu đồng) nợ

lãi là 451.532.050 (Bốn trăm năm mươi mốt triệu năm trăm ba mươi hai ngàn không trăm năm mươi đồng) trong đó lãi trong hạn là 28.206.898 (Hai mươi tám triệu hai trăm linh sáu ngàn tám trăm chín mươi tám đồng), lãi quá hạn là 423.325.152 (Bốn trăm hai mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai ngàn một trăm năm mươi hai đồng) theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0139/2013/HĐTD-DN ngày 14/11/2013 và ngày 27/11/2013 đã kí phụ lục số 0139.01/2013/PL-HĐTD/DN sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 0139/2013/HĐTD-DN ngày 14/11/2013. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi khoản nợ theo hợp đồng tín dụng trên trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật , nếu công ty T không trả được nợ theo phán quyết của Tòa án thì Ngân hàng Đ được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ một lần đối với toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp sau khi phát mại tài sản mà số tiền thu được không trả được nợ thì Công ty T vẫn phải tiếp tục trả nợ số tiền còn lại cho Ngân hàng.

- **Án phí và chi phí tố tụng:** Đề nghị các bên nộp theo quy định pháp luật khi có quyết định của tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật : Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán HĐXX và thư ký đã thực hiện đúng về việc xét xử sơ thẩm vụ án; thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, ra quyết định xét xử, và mở phiên tòa theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo qui định tại Điều 70, Điều 71,và Điều 143 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đã được tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết các quyết định tố tụng theo đúng qui định tại Điều 179, Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo qui định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự .

Về nội dung vụ án: Xét về hình thức và nội dung các hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng Đ và Công ty T và hợp đồng thế chấp kí kết giữa Ngân hàng Đ với ông Đinh Xuân V và bà Vũ Thị B cho thấy việc thỏa thuận trong giao kết hợp đồng và lãi suất cho vay giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 90, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 1 Thông tư số 12 ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận và Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 1627 ngày 21/12/2001 được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 127 ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Đề nghị HĐXX:

+Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty T phải trả cho Ngân hàng Đ tính đến ngày xét xử 18/01/2018 là 943.479.567đ (Chín trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) bao gồm nợ gốc là 560.000.000đ (Năm trăm sáu mươi triệu đồng) và nợ lãi là 383.479.567. (Ba

trăm tám mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm sáu mươi bảy đồng)

+ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Đ phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Đ khởi kiện đối với bị đơn là Công ty T có địa chỉ tại Số 78 phố D, phường T, thành phố B, hợp đồng tín dụng hạn mức số 0139/2013/HĐTD-DN ngày 14/11/2013 và ngày 27/11/2013 đã kí phụ lục số 0139.01/2013/PL-HĐTD/DN sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 0139/2013/HĐTD-DN ngày 14/11/2013 được ký tại Số 607 Đường T, phường Đ, TP. L, tỉnh Quảng Ninh,Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết theo qui định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung vụ án:

[2.1]Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc và lãi:

- Đối với hợp đồng tín dụng hạn mức số 0139/2013/HĐTD-DN ngày 14/11/2013 và ngày 27/11/2013 đã kí phụ lục số 0139.01/2013/PL-HĐTD/DN sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 0139/2013/HĐTD-DN ngày 14/11/2013 giữa Ngân hàng Đ và bên vay là Công ty T đã được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng đã được thực hiện, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền là 560.000.000đ (Năm trăm sáu mươi triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 10/12/2013. Do đó, hợp đồng nêu trên có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm ký kết. Đối với việc bị đơn vay tiền của Ngân hàng tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

- Về lãi suất: Tính đến ngày 18/01/2018 Ngân hàng Đ buộc bị đơn trả nợ lãi cho Ngân hàng là 451.532.050 (Bốn trăm năm mươi mốt triệu năm trăm ba mươi hai ngàn không trăm năm mươi đồng) trong đó lãi trong hạn là 28.206.898 (Hai mươi tám triệu hai trăm linh sáu ngàn tám trăm chín mươi tám đồng), lãi quá hạn là 423.325.152 (Bốn trăm hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn một trăm năm mươi hai đồng)

Tòa án nhận định:

- Về yêu cầu trả lãi trong hạn và lãi quá hạn mà Ngân hàng Đ khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết đối với khoản vay của bị đơn là đúng theo thỏa thuận của

hai bên trong hợp đồng tín dụng hạn mức số 0139/2013/HĐTD-DN ngày 14/11/2013 và ngày 27/11/2013 đã kí phụ lục số 0139.01/2013/PL-HĐTD/DN sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 0139/2013/HĐTD-DN ngày 14/11/2013 giữa Ngân hàng Đ và bên vay là Công ty T và theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

- Tuy nhiên phương thức tính lãi của Ngân hàng Đ lại chưa đúng theo quy định của pháp luật. Khoản 2 Điều 11 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN Ngân hàng Nhà nước quy định *"Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thoả thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng"*. Việc Ngân hàng Đ tính lãi quá hạn theo lãi suất tối đa 150% lãi trong hạn trên tổng số tiền gốc cộng với tiền lãi chưa trả trong hạn là không đúng. Đồng thời theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0139/2013/HĐTD-DN ngày 14/11/2013 các bên thỏa thuận: Số tiền lãi phải trả = (Dư nợ vay thực tế) x (Số ngày thực tế của kỳ tính lãi) x (Lãi suất vay tính theo năm) : 360; Tiền phạt chậm trả lãi = (Số tiền lãi chậm trả) x (Số ngày chậm trả lãi) x 150% x (Lãi suất vay tính theo năm): 360 và tại khoản 4 Điều 1 của Hợp đồng cũng thể hiện " Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn". Vì vậy Tòa án chỉ chấp nhận yêu cầu trả nợ của Ngân hàng Đ đối với tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi dựa trên số nợ gốc ban đầu tính đến ngày xét xử 18-01-2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Trong buổi hòa giải ngày 09/8/2017 và tại bản tự khai ngày 09/8/2017 phía bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quan điểm chỉ chấp nhận thanh toán cho Ngân hàng Đ khoản tiền nợ gốc 439.500.000đ (Bốn trăm ba mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng) và nợ lãi là 299.553.017đ (Hai trăm chín mươi chín triệu năm trăm năm mươi ba ngàn không trăm mười bảy đồng), tổng cộng là 739.053.017đ (Bảy trăm ba mươi chín triệu không trăm năm mươi ba ngàn không trăm mười bảy đồng). Bị đơn không chấp chập yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện của Ngân hàng Đ về việc yêu cầu Công ty T trả nợ bổ sung gồm: Nợ gốc là 120.500.000đ (Một trăm hai mươi triệu năm trăm ngàn đồng) và khoản tiền nợ lãi là 48.513.802đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm mười ba ngàn tám trăm linh hai đồng) tính đến ngày 07/8/2017 vì cho rằng toàn bộ số nợ trên đã được công ty T đã trả cho Ngân hàng Đ. Các buổi hòa giải khác phía bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do chính đáng dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã có công văn yêu cầu bị đơn cung cấp toàn bộ biên lai, hóa đơn, chứng từ thể hiện việc đã thanh toán nợ cho Ngân hàng Đ- Chi nhánh Quảng Ninh. Tuy nhiên phía bị đơn không cung cấp được bất kỳ 1 hóa đơn, chứng từ nào chứng minh việc đã thanh toán trả tiền cho Ngân hàng Đ. Vì vậy, việc bị đơn chỉ chấp nhận thanh toán khoản nợ cả gốc và lãi số tiền 739.053.017 cho Ngân hàng Đ là không có căn cứ .

Căn cứ vào nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Đ & công ty T và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng từ 10/12/2013 đến 1/2014 Công ty T mới trả 7.018.658đ (Bảy triệu không trăm mười tám ngàn sáu trăm năm mươi tám đồng) tiền lãi .Từ đó cho tới nay 18/1/2018 bị đơn không thanh toán thêm bất cứ khoản

gốc, lãi nào theo như đã thỏa thuận ở hợp đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần có văn bản yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy có thể khẳng định phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 18/01/2018 Ngân hàng buộc bị đơn trả nợ lãi cho Ngân hàng là 404.935.230đ (Bốn trăm linh tư triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn hai trăm ba mươi đồng) trong đó:

Lãi trong hạn:

- Tính từ 10/12/2013 đến 10/3/2014 là 91 ngày là 17.694.444đ (Mười bảy triệu sáu trăm chín mươi tư ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

- Tính từ ngày 11/3/2014 đến 10/6/2014 là 92 ngày là 17.531.111đ (Mười bảy triệu năm trăm ba mươi mốt ngàn một trăm mười một đồng);

Tổng lãi trong hạn là 35.225.555đ (Ba mươi lăm triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng). Công ty T đã trả 7.018.658đ (Bảy triệu không trăm mười tám ngàn sáu trăm năm mươi tám đồng) vào tháng 01/2014. Công ty T còn nợ Ngân hàng Đ là 28.225.555đ (Hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng).

Lãi quá hạn:

- Từ 11/6/2014 đến ngày 18/01/2018 là 1318 ngày là: (560.000.000đ x 12,25% x 150% x 1318 ngày) : 360 = 376.728.333đ (Ba trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Tổng cả gốc và lãi: Công ty T còn phải trả cho Ngân hàng Đ tổng số tiền là 964.935.230đ (Chín trăm sáu mươi tư triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn hai trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày 19/01/2018 bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên.

[2.2] Về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba: Để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của công ty T, ông Đinh Xuân V và bà Vũ Thị B đã thế chấp tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy CNQSDĐ số V592850 do UBND huyện T(Nay là thị xã) T cấp ngày 04/6/2003 theo hợp đồng thế chấp số 0139.01/2013 / HĐTD ngày 14/11/2013. Hợp đồng thế chấp này đã được chứng nhận tại phòng công chứng số 3 tỉnh Quảng Ninh và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T. Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng Đ với ông Đinh Xuân V và bà Vũ Thị B là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với các quy định của pháp luật có hiệu lực. Nếu bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp mà các bên đã thỏa thuận để thu hồi nợ.

[3]Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng đề nghị giải quyết chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Ngân hàng không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng đã nộp tiền tạm

ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên bị đơn phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[4]Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn là Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Cụ thể Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 36.000.000đ + (3% * 164.935.230đ = 4.949.056đ) = 40.948.056đ (Bốn mươi triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn không trăm năm mươi sáu đồng).

Ngân hàng Đ phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 46.596.819đ x 5% = 2.329.840đ (Hai triệu ba trăm hai mươi chín ngàn tám trăm bốn mươi đồng).

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

+ Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Khoản 2 Điều 3; khoản 2 Điều 91; Điều 92 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

+ Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

+ Điều 716, 717 và Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005.

+ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ về việc buộc Công ty T có trách nhiệm trả nợ tiền vay, gồm nợ gốc và lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn; buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm xử lý tài sản thế chấp để trả nợ ngân hàng nếu bị đơn không trả được nợ.

2. Xử:

2.1. Buộc Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền vay tính đến ngày 18/01/2018 là 964.935.230đ (Chín trăm sáu mươi tư triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn hai trăm ba mươi đồng) bao gồm nợ gốc là 560.000.000đ (Năm trăm sáu mươi ngàn đồng) và nợ lãi là 404.935.230đ (Bốn trăm linh tư triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn hai trăm ba mươi đồng) trong đó lãi trong hạn là 28.225.555đ (Hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng); lãi quá hạn là 376.728.333đ (Ba trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng) cho Ngân hàng Đ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý, phát mại tài sản thế chấp là ngôi nhà 2,5 tầng trên diện tích xây dựng 74,9m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số V592850 vào sổ cấp GCN QSDĐ số 1541/QSDĐ/MK 125 do UBND huyện Đông Triều cấp ngày 04/6/2003 mang tên hộ ông Đinh Xuân V và bà Vũ Thị B tại khu X, thị trấn K, thị xã T, tỉnh Quảng Ninh theo hợp đồng thế

chấp số: 0139.01/2013/HĐTD ngày 14/11/2013 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm vụ án,công ty T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên.

Trong trường hợp số tiền phát mại, thu hồi từ tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì công ty Cổ phần vận tải và xây dựng T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2.2. Về chi phí tố tụng và án phí:

- Công ty T phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) chị phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng TMCP Đ đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên Công ty T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền trên.

- Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải trả Ngân hàng là 40.948.056đ (Bốn mươi triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn không trăm năm mươi sáu đồng).

- Ngân hàng TMCP Đ phải chịu tiền án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 2.329.840đ (Hai triệu ba trăm hai mươi chín ngàn tám trăm bốn mươi đồng). Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 21.049.000đ (Hai mươi mốt triệu không trăm bốn mươi chín ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Ngân hàng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, theo biên lai thu tiền số 0001901 ngày 26/05/2017 và số 0000020 ngày 08/8/2017.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND TP B;*
- *Chi cục THA dân sự TP B;*
- *Các đương sự.*
- *Án văn + L□u.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Vũ Thị Thiên Nga